

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-ST

Ngày: 01-10-2019

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2019/TLST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2019/QĐXXST-KDTM ngày 28/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-KDTM ngày 13/9/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N; địa chỉ: Số x, đường CH, phường y, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Quang S, sinh năm 1953; địa chỉ: Số z đại lộ BD, khu phố n, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, theo văn bản ủy quyền số 06/UQ2019/HĐTV ngày 01/01/2019. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Rượu GS; địa chỉ: Khu phố m, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Liên Tuấn K, chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ N là ông Trương Quang S trình bày:

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ N tại MP (sau đây gọi là Chi nhánh Công ty Bảo vệ) được Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ N ủy quyền để ký kết các hợp đồng dịch vụ bảo vệ theo Giấy ủy quyền số 03/UQ2017/HĐTV ngày 31/12/2016.

Thực hiện theo hợp đồng ủy quyền này thì giữa Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ N tại Mỹ Phước và Công ty TNHH Sản xuất Rượu GS (sau đây gọi là Công ty Rượu) có ký 03 hợp đồng dịch vụ bảo vệ, cụ thể như sau:

+ Ngày 24/10/2015, hai bên ký kết Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 032/HĐBV/2015, thời hạn 01 năm (bắt đầu 08h ngày 24/10/2015 và chấm dứt 08h ngày 24/10/2016). Nội dung thỏa thuận Chi nhánh Công ty Bảo vệ cung ứng cho Công ty Rượu 02 vị trí bảo vệ, trực 24h/24h, 7 ngày/tuần (kể cả ngày nghỉ, lễ, chủ nhật). Làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Rượu GS; địa chỉ: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tổng mức phí dịch vụ cho 02 vị trí bảo vệ đối với hợp đồng này là 25.000.000 đồng/tháng (đã bao gồm 10% VAT). Hợp đồng tự gia hạn là 12 tháng nếu bên kia không đưa ra thông báo chấm dứt trước 30 ngày khi hết hạn hợp đồng. Thỏa thuận thanh toán là 15 ngày sau khi nhận hóa đơn của bên A (Chi nhánh Công ty Bảo vệ). Sau khi ký kết hợp đồng, Chi nhánh Công ty Bảo vệ đã cung ứng 02 vị trí bảo vệ theo đúng như hợp đồng đã thỏa thuận tại hợp đồng này.

Ngày 04/01/2016, phía Công ty Rượu có yêu cầu tăng thêm 02 vị trí bảo vệ, trực 12h/24h/7 ngày trong tuần (kể cả ngày nghỉ, lễ, chủ nhật). Làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Rượu GS; địa chỉ: Khu phố m, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Thời gian cung ứng bắt đầu từ 04/01/2016 đến ngày 24/01/2016. Làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Rượu GS; địa chỉ: Khu phố m, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Phí dịch vụ được thực hiện theo hợp đồng số 032/HĐBV/2015 ngày 24/10/2015. Về yêu cầu tăng thêm 02 vị trí bảo vệ các bên không lập hợp đồng mà chỉ lập Biên bản về việc tăng vị trí bảo vệ tại Công ty Rượu lập ngày 04/01/2016 do người đại diện phía Công ty Rượu ký xác nhận. Sau khi được hai bên thống nhất, Chi nhánh Công ty Bảo vệ đã tăng cường thêm 02 vị trí bảo vệ trực 12/24h tại Công ty Rượu đúng như thỏa thuận.

Ngày 01/7/2016, các bên thông nhất ký Phụ lục hợp đồng số 025/PLHĐ/2016 với nội dung tiếp tục duy trì Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 032/HĐBV/2015 và điều chỉnh phí cung ứng dịch vụ từ 25.000.000 đồng/tháng (đã bao gồm 10% VAT) lên 28.000.000 đồng/tháng cho 02 vị trí bảo vệ trực 24/24h (chưa bao gồm 10% VAT) và được thực hiện kể từ ngày 01/7/2017. Hợp đồng này là 01 phần không thể tách rời của Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 032/HĐBV/2015 được ký giữa Chi nhánh Công ty Bảo vệ và Công ty Rượu ngày 24/10/2015. Các nội dung khác của Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 032/HĐBV/2015 vẫn giữ nguyên.

Sau khi ký hợp đồng và phụ lục hợp đồng, bên Chi nhánh Công ty Bảo vệ đã cung ứng dịch vụ đúng như thỏa thuận trong hợp đồng. Tổng số tiền Công ty Rượu phải thanh toán cho Chi nhánh Công ty bảo vệ đối với Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 032/HĐBV/2015 và Phụ lục hợp đồng số 025/PLHĐ/2016 cùng với thỏa thuận cung ứng dịch vụ bảo vệ từ ngày 04/01/2016 đến ngày 24/01/2016 theo Biên bản về việc tăng vị trí bảo vệ tại Công ty Rượu lập ngày 04/01/2016 là 404.928.888 đồng, tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty Rượu mới chỉ thanh toán được là 118.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 286.928.888 đồng.

+ Ngày 03/02/2017, giữa Chi nhánh Công ty Bảo vệ và Công ty Rượu tiếp tục ký Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 012/HĐBV/2017, thời hạn 01 năm (bắt đầu 08h ngày 03/02/2017 và chấm dứt 08h ngày 03/02/2018). Theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thì Chi nhánh Công ty Bảo vệ sẽ cung ứng cho Công ty Rượu 02 vị trí bảo vệ, trực 24h/24h, 7 ngày/tuần (kể cả ngày nghỉ, lễ, chủ nhật). Làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Rượu GS; địa chỉ: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tổng mức phí dịch vụ đối với hợp đồng này là 28.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm 10% VAT). Hợp đồng tự gia hạn là 12 tháng nếu bên kia không đưa ra thông báo chấm dứt trước 30 ngày khi hết hạn hợp đồng. Thỏa thuận thanh toán là 15 ngày, sau khi nhận hóa đơn của bên A (Chi nhánh Công ty Bảo vệ). Sau khi ký kết hợp đồng, Chi nhánh Công ty Bảo vệ đã cung ứng 02 vị trí bảo vệ theo đúng như thỏa thuận tại hợp đồng này.

Đến ngày 07/02/2017, Công ty Rượu đã yêu cầu tăng thêm 02 vị trí bảo vệ tuần tra, trực 24h/24h, 7 ngày/tuần, dịch vụ cung ứng trong khoảng thời gian từ ngày 07/02/2017 đến ngày 22/02/2017, phí dịch vụ tăng thêm là 17.600.000 đồng. Về yêu cầu tăng thêm 02 vị trí bảo vệ các bên không lập hợp đồng mà chỉ lập Biên bản sự việc lập ngày 07/02/2017 do người đại diện phía Công ty Rượu ký xác nhận. Sau khi được hai bên thống nhất, Chi nhánh Công ty Bảo vệ đã tăng cường thêm 02 vị trí bảo vệ trực 24/24h tại Công ty Rượu đúng như thỏa thuận.

Sau khi ký kết hợp đồng, phía Công ty Bảo vệ đã cung ứng dịch vụ đúng như thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 012/HĐBV/2017 và Công ty Rượu

đã nhận được hóa đơn của chi nhánh Công ty bảo vệ. Tuy nhiên bên Công ty Rượu đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đối với Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 012/HĐBV/2017 và tăng thêm 02 vị trí bảo vệ theo Biên bản sự việc lập ngày 07/02/2017 do người đại diện phía Công ty Rượu ký xác nhận với tổng số tiền là 387.200.000 đồng, Công ty Rượu đã thanh toán được là 150.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 237.200.000 đồng.

+ Ngày 03/02/2018, giữa Chi nhánh Công ty Bảo vệ và Công ty Rượu ký Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 026/HĐBV/2018, thời hạn 01 năm (bắt đầu 08h ngày 03/02/2018 và chấm dứt 08h ngày 03/02/2019). Theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thì Chi nhánh Công ty Bảo vệ sẽ cung ứng cho Công ty Rượu 02 vị trí bảo vệ, trực 24h/24h, 7 ngày/tuần (kể cả ngày nghỉ, lễ, chủ nhật). Tổng phí dịch vụ đối với hợp đồng này là 28.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm 10% VAT). Làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Rượu GS; địa chỉ: Khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hợp đồng tự gia hạn là 12 tháng nếu bên kia không đưa ra thông báo chấm dứt trước 30 ngày khi hết hạn hợp đồng. Thỏa thuận thanh toán là 15 ngày, sau khi nhận hóa đơn của bên A (Chi nhánh Công ty Bảo vệ). Sau khi ký kết hợp đồng, Chi nhánh Công ty Bảo vệ đã cung ứng 02 vị trí bảo vệ theo đúng như thỏa thuận tại hợp đồng này.

Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 026/HĐBV/2018, thời hạn 01 năm bắt đầu 08h ngày 03/02/2018 và chấm dứt 08h ngày 03/02/2019, do phía Công ty Rượu không có thông báo chấm dứt hợp đồng nên hợp đồng tự gia hạn. Đến ngày 20/02/2019, hai bên mới bắt đầu thanh lý hợp đồng và Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 026/HĐBV/2018 chấm dứt kể từ ngày 21/02/2019.

Bên Công ty Bảo vệ đã cung ứng dịch vụ đúng như thỏa thuận tại Hợp đồng số 026/HĐBV/2018. Tuy nhiên bên Công ty Rượu đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tổng số tiền Công ty Rượu chưa thanh toán đối với Hợp đồng số 026/HĐBV/2018 là 391.600.000 đồng.

Tổng số tiền nợ phí dịch vụ bảo vệ mà Công ty Rượu chưa thanh toán cho Công ty Bảo vệ cho cả 03 hợp đồng dịch vụ như trên đã ký kết là: 915.728.888 đồng. Tiền lãi chậm thanh toán phát sinh theo thỏa thuận của các bên là 122.872.071 đồng. Tổng cộng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán là 1.038.600.959 đồng.

Ngày 20/02/2019, giữa nguyên đơn và bị đơn tiến hành thanh lý Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 026/HĐBV/2018, Công ty Rượu rút các vị trí bảo vệ ra khỏi mục tiêu và Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 026/HĐBV/2018 không còn giá trị pháp lý kể từ 07h ngày 21/02/2019, đồng thời các bên lập bảng chi tiết công nợ, chốt lại số nợ của bị đơn đối với nguyên đơn là 1.038.600.959 đồng. Khi thanh lý, bị đơn đã thanh toán bằng hình thức chuyển khoản được số tiền 311.580.287 đồng, số tiền

còn lại 727.020.672 đồng bị đơn cam kết thanh toán hàng tháng, mỗi tháng 10% số nợ. Tuy nhiên cho đến nay, phía nguyên đơn đã liên hệ nhiều lần để thanh toán nhưng bị đơn vắng mặt tại trụ sở công ty và vẫn chưa thanh toán thêm cho nguyên đơn được bất kỳ khoản nào. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Rượu GS phải thanh toán số tiền còn nợ theo Bảng chi tiết công nợ được hai bên chốt vào ngày 20/02/2019 với số tiền là 727.020.672 đồng (bảy trăm hai mươi bảy triệu, không trăm hai mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng). Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày như trên và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào mới, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn vắng mặt và không có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định để xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tiến hành xác minh, niêm yết, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ cho bị đơn, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có trụ sở tại khu phố m, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 032/HĐBV/2015 ngày 24/10/2015; Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 012/HĐBV/2017 ngày 03/02/2017 và Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 012/HĐBV/2017 ký ngày 03/02/2018: Hợp đồng được hai bên tự nguyện ký kết khi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của các thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, các Hợp đồng dịch vụ này có giá trị pháp lý, là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ và chịu sự ràng buộc với các điều khoản đã ký kết giữa hai bên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 20/02/2019, hai bên chốt công nợ phát sinh từ các hợp đồng dịch vụ đã ký kết và thỏa thuận thanh toán tiền nợ mỗi tháng 10% trên tổng số nợ. Tuy nhiên, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ phát sinh từ 03 Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 032/HĐBV/2015 ngày 24/10/2015; Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 012/HĐBV/2017 ngày 03/02/2017 và Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 012/HĐBV/2017 ký ngày 03/02/2018 và phí dịch vụ bảo vệ phát sinh từ Biên bản về việc tăng vị trí bảo vệ tại Công ty Rượu lập ngày 04/01/2016; Biên bản sự việc lập ngày 07/02/2017 giữa Chi nhánh Công ty Bảo vệ và Công ty Rượu với tổng số tiền yêu cầu là 727.020.672 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét Bảng chi tiết công nợ ký ngày 20/02/2019: Bảng chi tiết công nợ có chữ ký, và con dấu xác nhận của 02 bên là Chi nhánh Công ty Bảo vệ và Công ty Rượu, trong đó, phía Công ty Rượu do ông Liên Tuấn Kiệt là đại diện theo pháp luật đã ký tên, đóng dấu của Công ty để xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.038.600.959 đồng (đã bao gồm 10% VAT). Qua so sánh, đối chiếu giữa các Hóa đơn giá trị gia tăng do Chi nhánh Công ty Rượu phát hành với Bảng chi tiết công nợ ký ngày 20/02/2019 và Biên bản thanh lý hợp đồng số 03/TLHĐBV/2019 ngày 20/02/2019 thì số tiền mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với

lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định tính đến ngày 20/02/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.038.600.959 đồng. Ngày 20/02/2019 và 21/02/2019 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn qua hình thức chuyển khoản ngân hàng được số tiền 311.580.287 đồng (bút lục 68), số tiền còn lại chưa thanh toán là 727.020.672 đồng.

Xét Biên bản về việc tăng vị trí bảo vệ tại Công ty Rượu lập ngày 04/01/2016 và Biên bản sự việc lập ngày 07/02/2017 giữa Chi nhánh Công ty Bảo vệ và Công ty Rượu: Các biên bản này giữa hai bên không lập thành hợp đồng do đại diện hợp pháp của hai bên pháp nhân xác nhận mà chỉ thông qua hình thức viết tay do đại diện của hai bên Công ty ký tên, xác lập. Như vậy, đây cũng là một hình thức của hợp đồng dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật thương mại số 03/VBHN-VPQH ngày 28/3/2017 được pháp luật thừa nhận. Ngoài ra, theo Bảng chi tiết công nợ ký ngày 20/02/2019 và Biên bản thanh lý hợp đồng số 03/TLHĐBV/2019 ngày 20/02/2019 có thể hiện ông Liên Tuấn Kiệt là người đại diện hợp pháp của Công ty Rượu đã xác nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền phí dịch vụ bảo vệ trong thời gian từ ngày 07/02/2017 đến ngày 22/02/2017 tương ứng với số tiền là 17.600.000 đồng và phí dịch vụ bảo vệ trong thời gian từ ngày 04/01/2016 đến ngày 24/01/2016 tương ứng với số tiền 8.495.553 đồng (Hóa đơn giá trị gia tăng thể hiện tại bút lục 25, 38, 39). Như vậy, hoàn toàn có đủ cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có tồn tại, xác lập hợp đồng dịch vụ về việc tăng vị trí bảo vệ như nguyên đơn trình bày và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Những nội dung mà các bên thỏa thuận, xác lập là do các bên hoàn toàn tự nguyện, khi xác lập các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm đạo đức xã hội và điều cấm của pháp luật, nguyên đơn đã cung ứng dịch vụ như đã thỏa thuận nên đây là cơ sở pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Xét việc thỏa thuận lãi: Theo nguyên đơn trình bày tiền lãi chậm thanh toán phát sinh theo thỏa thuận của các bên là 122.872.071 đồng. Như vậy, việc thỏa thuận thanh toán lãi giữa hai bên đã được thỏa thuận và thống nhất chốt công nợ, việc thỏa thuận trả lãi này là hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện và quyền quyết định, định đoạt của hai bên. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, bị đơn vắng mặt và không có văn bản giải trình ý kiến về việc này. Do đó, đối với khoản tiền lãi được hai bên chốt công nợ ngày 20/02/2019 là 122.872.071 đồng là được thừa nhận. Tuy nhiên, phía bị đơn không phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền 122.872.071 đồng trong trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Bị đơn chỉ phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trong các Hợp đồng dịch vụ còn

lại là 604.148.601 đồng (727.020.672 đồng - 122.872.071 đồng = 604.148.601 đồng) trong trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn phải thanh toán cho Công ty Bảo vệ số tiền cung ứng dịch vụ bảo vệ còn nợ là 727.020.672 đồng theo Điều 85 Luật thương mại số 03/VBHN-VPQH ngày 28/3/2017 và Điều 422 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 422, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 85 Luật thương mại số 03/VBHN-VPQH ngày 28/3/2017;

Căn cứ Luật thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV ngày 30/12/2016;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NĐ- HĐTP ngày 11/01/2019.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Rượu GS về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Buộc ông ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Rượu GS phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N số tiền 727.020.672 đồng (bảy trăm hai mươi bảy triệu, không trăm hai mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng), trong đó tiền nợ gốc theo hợp đồng dịch vụ là 604.148.601 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận là 122.872.071 đồng. Việc thanh toán thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền nợ gốc là 604.148.601 đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Rượu GS còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Rượu GS phải chịu 33.080.826 đồng (ba mươi ba triệu, không trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.540.413 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0030168 ngày 13/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại tòa phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo